



SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO ISLAM Ở NGƯỜI CHĂM THUỘC HAI TỈNH NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN

TS Tạ Long^{*}, TS Ngô Thị Chính^{**}

Người Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận chiếm 65,1% dân số tộc người trong cả nước, chủ yếu thuộc các đạo Ấn Độ giáo (thường được gọi là Bàlamôn giáo), Bani và Islam. Đạo Bani còn được gọi là Hồi giáo cũ, vì đã pha tạp giữa Islam giáo với tín ngưỡng bản địa, không thuần khiết như Hồi giáo chính thống. Islam giáo còn được gọi là Hồi giáo mới, vì du nhập vào hai tỉnh này muộn hơn đạo Bani. Cộng đồng Chăm Islam chiếm 3,42% dân số Chăm hai tỉnh, sống xen kẽ với người Bani ở 4/47 làng Chăm, ở 4/15 làng Chăm Hồi giáo cũ và mới.

1. Sự du nhập hồi giáo chính thống vào Ninh Thuận

Hồi giáo đã du nhập vào người Chăm sớm nhất từ thế kỷ thứ X, được người Chăm theo nhiều từ sau năm 1470 và xác lập được vị trí trong xã hội Chăm vào thế kỷ XVII. Bản thân tên Bani cũng từ gốc Arập “Beni” nghĩa là những người con trai của đấng tiên tri¹. Sau khi vào người Chăm, Hồi giáo bị bản địa hoá bởi tín ngưỡng dân gian (thờ cúng tổ tiên mẫu hệ, thờ cúng các vị vua có nhiều công đức với dân và tín ngưỡng nông nghiệp cũng như sự sùng bái tự nhiên ...), nên được dân gian gọi là đạo Bani².

Vào đầu thập niên 1960, trong cộng đồng Chăm Bani ở Ninh Thuận đã nảy sinh thêm một tôn giáo mới: đạo Islam chính thống. Hồi giáo chính thống đã tồn tại ở người Chăm vùng Châu Đốc (tỉnh An Giang), Tây Ninh và Sài Gòn từ thời kỳ nhà Nguyễn cho tới hiện nay với sự toàn vẹn cả về kinh thánh, giáo lý, giáo luật (tức những quy định) và tính chất phụ hệ, phụ quyền của nó³. Sự toàn vẹn này không có ở người Bani. Hồi giáo chính thống cũng đã từng thâm nhập vào các làng Chăm khác ở Ninh Thuận như Lương Tri (xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn),

^{*}, ^{**} Viện Dân tộc học.

Thành Tín (xã Phước Hải), Phú Nhuận (xã Phước Thuận) thuộc huyện Ninh Phước và vùng người Chăm Bani ở tỉnh Bình Thuận, nhưng đều bị tẩy chay.

Thánh đường Islam chính thống đầu tiên - thánh đường 101 được xây dựng ở thôn Văn Lâm (xã Phước Nam, huyện Ninh Phước ngày nay) vào năm 1962, nhờ vai trò quan trọng của Từ Công Xuân, người thôn này. Nhưng người đầu tiên chuyển đạo Islam về Ninh Thuận là Mã Thành Lâm, quê ở thôn Phước Nhơn, xã Ninh Hải, huyện Ninh Hải. Năm 1959, Mã Thành Lâm làm việc ở Sở Canh nông Sài Gòn, có dịp tiếp xúc với người Ấn Độ theo Islam là Mohamad Alih, được người này giúp tìm hiểu về Hồi giáo chính thống. Sự hiểu biết về kinh thánh, giáo lý, giáo luật cùng những nghi lễ đơn giản trong cưới xin, tang ma của Islam và cách tự quản của cộng đồng dân cư - tôn giáo dưới sự điều hành của ban hakem do dân bầu đã giúp Mã Thành Lâm nhận thấy sự ưu việt của Islam chính thống so với đạo Bani: Các cá nhân có thể tự hiểu được đạo lý qua đọc sách kinh thánh và những sách đạo, không phải chỉ các chức sắc tôn giáo dòng dõi cha truyền con nối mới được tiếp cận, còn các tín đồ chỉ được truyền khẩu thụ động. Việc hành đạo chỉ cần tuân thủ 5 điều cơ bản của đạo Hồi, không phụ thuộc vào sự chi phối nhiều khi mang tính cá nhân của các thầy achar như trong đạo Bani.

Một khía cạnh xã hội nữa cũng khiến những người có danh phận trong xã hội như Mã Thành Lâm quan tâm tới Hồi giáo chính thống: Khác với xã hội Bani chịu ảnh hưởng của đạo Bàlamôn, người Chăm Hồi giáo chính thống không phân chia đẳng cấp. Những người đã hành hương được mang tước vị *Hadji* cũng như các thầy giảng kinh (*Khotib*), các thầy điều khiển buổi lễ (*Imâm*), các thầy giáo (*tuôn*) dạy đọc kinh Coran, tuy được kính nể, nhưng không phải là tầng lớp "*ăn trên ngồi trốc*" trong cộng đồng Hồi giáo chính thống như ở đạo Bani. Cũng khác với cộng đồng Chăm mẫu hệ, người Hồi giáo chính thống miền Tây Nam Bộ quý trọng con trai hơn con gái, con trai được thừa hưởng phần gia tài gấp đôi con gái⁴.

Có thể thấy ưu thế này như sự giải toả đối với những cá nhân có địa vị xã hội, nhưng lại bị ràng buộc của các chức sắc Bani, của quan hệ dòng tộc và cộng đồng làng xóm. Và Mã Thành Lâm đã tiếp nhận Islam chính thống về truyền bá cho một số bạn của mình là quan chức trong chính quyền từ tỉnh tới quận và xã ở Ninh Thuận, trong đó nhân vật quan trọng nhất là Từ Công Xuân. Ông Xuân bấy giờ là quận trưởng, sau đó lại là dân biểu của hạ nghị viện Sài Gòn hai khoá, có tham vọng chính trị.

Thời gian Mã Thành Lâm đưa Hồi giáo chính thống về Ninh Thuận là lúc các đảng phái chính trị ở địa phương như Đại Việt, Dân chủ và Cấp tiến tranh giành ảnh hưởng trong dân chúng: đảng Đại Việt tranh thủ được đông đảo dân chúng. Đảng Cấp tiến với sự tham gia của tỉnh trưởng là người Phan Rang, nên đã thu hút được các hào lý theo.

Trong điều kiện xã hội và con người cụ thể như vậy, đạo Islam đã được tiếp nhận để lôi kéo dân chúng, tạo cơ sở xã hội cho mình tách thoát khỏi những ảnh hưởng và ràng buộc của cộng đồng thân thuộc trong dòng tộc cũng như làng xóm.

Từ Công Xuân và Mã Thành Lâm đã tập hợp một số người thân tín ở các thôn Văn Lâm (quê của ông Xuân), Phước Nhơn (quê vợ ông Xuân), An Nhơn (vốn là làng gốc của Phước Nhơn) để đưa vào Sài Gòn học đạo. Những người này đều là công chức chính quyền hoặc là hào lý như Dark Kei, Báo Bí (Văn Lâm), tổng Giàu (Phước Nhơn), hào Ruôn, Tài Hành, Thành Kiểu (An Nhơn), v.v... Họ lại được Mohamad Alih bày cho cách quyên tiền và giúp đỡ quyên tiền của các tín đồ Islam là người Chăm, Ấn Độ, Pakistan... ở Sài Gòn về giúp người ở Ninh Thuận.

Lúc đầu, Từ Công Xuân và Mã Thành Lâm đưa đạo Islam về truyền bá ở Phước Nhơn, nhưng bị người Bani ở đây phản bác, họ chuyển sang Văn Lâm. Ở đây Từ Công Xuân đã dựa vào các chức sắc Bani thân cận lại có uy tín như Bá Tó, Bá Tía để truyền đạo trong bà con thuộc họ mẹ ông ta. Bằng cách đó và bắt đầu từ đó những người truyền bá đã bắt rễ trở lại Phước Nhơn và An Nhơn. Mặc dù người Bani nói chung, ở Phước Nhơn và An Nhơn nói riêng không chấp nhận thứ đạo trái phong tục của mình, nhưng vị thế của Từ Công Xuân và các đồng sự của ông ta đã khiến người Bani, trước hết là họ hàng thân thích của ông ta và vợ ông ta ở Văn Lâm và Phước Nhơn, An Nhơn vì nể và đổi đạo theo Islam.

Trong thời gian đầu hành đạo chưa có thánh đường, họ đã làm lễ ở nhà những người nòng cốt:

- Ở thôn Văn Lâm: nhà Từ Công Xuân
- Ở thôn Nho Lâm: nhà Báo Đại Ngô
- Ở thôn Phước Nhơn: nhà tổng Giàu
- Ở thôn An Nhơn: nhà bà Được

Đến năm 1962, họ đã phát triển được 30 hộ ở Văn Lâm, chủ yếu trong họ nội, ngoại của Từ Công Xuân, thành lập ban hakem và xây dựng thánh đường 101. Tới năm 1964 thánh đường 102 được xây dựng ở thôn Phước Nhơn, năm 1968 thánh đường 103 được xây dựng ở An Nhơn và năm 1974 thánh đường 104 mọc lên ở thôn Nho Lâm (cùng xã Phước Nam với thôn Văn Lâm)⁵.

2. Quan hệ giữa cộng đồng Islam với cộng đồng Bani

Đồng thời, những bất đồng tôn giáo đã nảy sinh trong nội bộ người Chăm mà trước đó không có: năm 1960 đã xảy ra tranh chấp Sư cả ở thánh đường Bani thôn Văn Lâm (xã Phước Nam). Năm 1964, một tín đồ Islam ở thôn Văn Lâm là Thập Hữu Xác bị chết ở bệnh viện, được người thân và cộng đồng Islam ở thánh

đường 101 đưa về thánh đường để làm tang lễ. Đối với người Bani, việc đưa người chết vào làng là trái phong tục của họ. Vì vậy đã xảy ra đánh nhau dữ dội giữa tín đồ hai đạo phái suốt hai ngày đêm. Tranh chấp giữa hai cộng đồng xung quanh việc đưa thi thể về làng ở Phước Nam chỉ chấm dứt sau khi thánh đường 104 được xây dựng ngay bên quốc lộ 1, người Islam có thể đưa thi thể vào thánh đường mà không phải rước vào làng. Ở Phước Nhơn và An Nhơn (thuộc xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải) vấn đề này tồn tại dai dẳng tới năm 2004, nhờ sự hoà giải của những nhân sỹ, trí thức địa phương, dân hai đạo mới thống nhất để người Islam đưa người chết về thánh đường trong làng làm lễ. Tuy vậy, vướng mắc vẫn chưa thật sự được thanh thoả trong lòng người dân Bani.

Mặt khác, tín đồ Islam thường lên án, chê bai tín đồ Bani là lạc hậu, nhiều nghi lễ tốn kém và rườm rà, không khoa học như người Islam⁶...

3. Quan hệ giữa cộng đồng Islam với cộng đồng địa phương

Ngoài những tranh chấp vừa nêu, bộ phận dân cư theo Islam sống tách biệt hẳn cộng đồng Bani trong đời sống tôn giáo và phong tục, do đức tin và sự tôn thờ chỉ một đấng tối cao Allah và do tuân thủ triệt để các tập tục của người Hồi giáo. Họ không tham gia các nghi lễ của cộng đồng khu vực chung cho cả người Balamôn và Bani cũng như lễ *Rija Nugar* của làng, lễ *Palau rijasah* (tế thần thủy), *Katê* (tế thần kim loại), *Chapkahalau krong* (lễ tế thần mộc ở đầu nguồn nước, còn được gọi là lễ chặn nguồn). Họ không thực hiện những nghi lễ nông nghiệp của gia đình như lễ tạ điền, lễ gieo hạt, lễ dựng chòi, lễ mừng lúa ra đồng, lễ cúng lúa trổ bông, lễ cúng thần chuột, cúng cơm mới. Họ không tham gia các lễ cúng của dòng họ như lễ múa lớn (*rija prong*), lễ múa ban ngày (*rija harey*), lễ múa ban đêm (*rija dayaup*), lễ tạ tổ tiên (*rija hiay*), lễ cúng cầu tổ tiên phù hộ khi trong dòng họ có nhiều người ốm đau hoặc tai họa rủi ro, lễ tảo mộ... Họ cũng không thực hiện bất kỳ lễ nghi nào liên quan đến ngôi nhà và người chết như lễ tẩy uế đất, lễ dựng nhà, lễ mừng nhà mới, lễ bắc bếp, lễ cúng tuần sau khi chôn cất, v.v...

Như vậy, mối liên hệ của người Chăm Islam với cộng đồng Chăm nói chung, với cộng đồng làng xã nơi họ chung sống và có quan hệ máu thịt không còn được duy trì về phương diện tôn giáo và phong tục nữa, có chăng chỉ theo quan hệ tình cảm riêng tư, quan hệ láng giềng và quan hệ hành chính. Ngay với những người quá cố, thân nhân cũng không khóc than vì họ quan niệm người chết ra đi là do Thượng đế an bài đi nhận cũng nhiệm vụ mới. Sau khi an táng cũng chỉ làm lễ tuần cầu nguyện với lễ vật đơn giản. Ở họ chỉ quan hệ giữa những người cùng cộng đồng Islam và quan hệ giữa cá nhân với Allah là thiêng liêng và cao cả. Điều quan trọng đối với họ là hành đạo theo 5 điều căn bản của đạo Hồi:

- Nhận tin Thượng đế

- Cầu nguyện
- Ăn chay tháng Ramadan
- Hành hương về La Meque
- Bối thí

Trong hành động phải chú trọng giáo luật với những bốn phận bắt buộc (*Wa jib*); những điều bị cấm (*harām*) như uống rượu, hãm hiếp phụ nữ ...; những điều không nên làm (*ma krok*); việc có thể tùy ý (*sunat và haros*)⁷.

Những động thái nói trên của Hồi giáo chính thống đã đặt con người chỉ trong quan hệ với Thượng đế, với đạo, tách thoát họ ra khỏi những quan hệ truyền thống với dòng họ, làng xóm, với văn hoá cổ truyền, là những điều rất sâu nặng đối với người Chăm Balamôn và Bani. Có thể vì vậy mà nó khó phát triển trong cộng đồng người Chăm, mặc dù nó có những nghi lễ đơn giản, không tốn kém, tín đồ không bị lệ thuộc vào các chức sắc, giáo luật nghiêm khắc.

Tuy nhiên, giữa các tín đồ Islam cũng nảy sinh nhiều mâu thuẫn: Trong lễ Taravel của tháng chay niệm Ramadan, các tín đồ của phái 8 raach cúi lạy 8 lần, còn các tín đồ của phái 20 raach cúi lạy 20 lần. Sự khác biệt này vẫn thường gây xung đột giữa họ với nhau. Đặc biệt, ở thánh đường X (huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận) đã xảy ra một vụ đổ máu giữa hai phái này vào năm 1988. Cũng ở thánh đường này, năm 2003, các tín đồ còn kiện cáo ban hakem không minh bạch về tài chính, đề nghị chính quyền xã phân xử (Nguồn: UBND xã Y, 2005).

Cũng như đạo Balamôn và đạo Bani, sự du nhập của Hồi giáo chính thống vào một bộ phận người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận bắt nguồn từ gốc rễ sâu xa trong chính xã hội Chăm ở địa phương. Tuy vậy, sự du nhập của Hồi giáo chính thống vào chỗ này, nhưng không vào nổi chỗ kia, ngoài đặc thù chung của tộc người còn do những đặc điểm riêng về kinh tế, xã hội trong từng cộng đồng dân cư. Số liệu về tín đồ Islam ở hai xã Phước Nam và Xuân Hải dưới đây sẽ minh chứng cho điều này:

Xã	Tổng số tín đồ Hồi giáo	Số tín đồ Islam	Tỷ lệ tín đồ Hồi giáo mới so với tổng số tín đồ Hồi giáo
	Đ.v: người	Đ.v: người	Đ.v: %
Phước Nam	8051	1200	14,9
Xuân Hải	7524	2134	28,2

Nguồn: UBND hai xã Phước Nam (huyện Ninh Phước) và Xuân Hải (huyện Ninh Hải), tỉnh Ninh Thuận, 2005.

Đối chiếu số lượng và tỷ trọng tín đồ Islam trong tổng số tín đồ Hồi giáo (gồm Islam và Bani) với quá trình phát triển của Islam ở hai xã này có thể thấy: xã

Phước Nam (thôn Văn Lâm) đạo Islam du nhập trước và thánh đường 101 được xây dựng sớm hơn (1962). Xã Xuân Hải (hai thôn An Nhon và Phước Nhon) tiếp nhận Islam chậm hơn và thánh đường 102 và 103 được xây dựng ở đây muộn hơn (1964 và 1968). Số tín đồ Bani ở xã Phước Nam đông hơn xã Xuân Hải, nhưng cả số lượng và tỷ lệ tín đồ Bani chuyển sang Islam ở Phước Nam thấp hơn Xuân Hải. Thực tế và lịch sử phát triển của Islam ở hai xã nói trên cho thấy đặc thù địa phương của cư dân cũng ảnh hưởng tới mức độ phát triển của Islam.

4. Kết luận

Sự tách biệt của một cộng đồng tôn giáo ra khỏi cộng đồng dân cư - văn hoá kiểu thành thị trong điều kiện nông thôn và xã hội nông nghiệp là một trường hợp ít có ở Việt Nam. Vì vậy, nó là một thử thách đối với người quản lý nhà nước, đòi hỏi phải vận dụng những kinh nghiệm ở các vùng nông thôn có tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hoà Hảo... trong quản lý dân cư. Nhưng những kinh nghiệm quản lý vùng Chăm hỗn hợp Bani và Islam cũng là những kinh nghiệm quý giá cần được đúc kết và so sánh với những vùng tôn giáo khác nhằm phục vụ cho việc quản lý xã hội tốt hơn.

CHÚ THÍCH

- ¹ Theo: Phan Xuân Biên (*Văn hoá Chăm*, 1991, 277 - 300) trích dẫn ý kiến của G. Maspero (*Le Royaume de Champa*, Van Dest, Paris, 1928, tr.13), của Thiên Sanh Cảnh (*Biên niên sử các đời vua Chăm từ năm 1000 đến năm 1010*, Nội san Panrang, số 8, 1974) và của P. Y. Mauguin (*L'introduction de l'Islam au Champa*, BEFEO, LXVI, 1979).
- ² Phan Xuân Biên, *Văn hoá Chăm*, sđd, tr.297 - 300.
- ³ Nguyễn Văn Luận, *Người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam phần*, Bộ Văn hoá Giáo dục & Thanh niên xuất bản, Sài Gòn, 1974, tr.75 - 82.
Nguyễn Tuấn Triết, *Đặc điểm mẫu hệ và phụ quyền trong xã hội người Chăm ở Việt Nam*, tr.80 - 81.
Lê Thanh Nhân, *Người Chăm Hồi giáo ở khu vực Mubaraic (quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh)*, tr.92 - 95.
- ⁴ Nguyễn Văn Luận, *Người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam phần*, sđd, tr.82.
- ⁵ Sự phác hoạ này dựa trên thông tin và ý kiến của:
 - Cụ Bá Cự, 91 tuổi, người Bani thôn Văn Lâm
 - Ông Báo Văn Khoảnh, ban hakem thánh đường 101
 - Ông Thành Ngọc Bính, tín đồ Islam, Trưởng ban Khuyến học thôn Phước Nhon
 - Ông Lâm Gia Tịnh, 72 tuổi, tín đồ Balamôn, trí thức - nhân sỹ thôn Mỹ Nghiệp, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước.
- ⁶ Nacamura - Rie, *Cham in Vietnam. Dynamics of ethnicity*. Doctoral Dissertation. University of Washington, 1999, p.152.
- ⁷ Nguyễn Mạnh Cường, *Người Chăm (những nghiên cứu bước đầu)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr.143 - 145, 284 - 293.
Phan Xuân Biên (Chủ biên), *Văn hoá Chăm*, sđd, tr.304 - 307.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Xuân Biên (Chủ biên), *Văn hoá Chăm*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
2. Phan Xuân Biên, “Văn hoá Chăm - Những yếu tố bản địa và bản địa hoá”, tạp chí *Dân tộc học*, N^o 1, 1993.
3. Nguyễn Mạnh Cường, *Người Chăm (những nghiên cứu bước đầu)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.
4. Nguyễn Văn Luận, *Người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam phần*, Bộ Văn hoá Giáo dục & Thanh niên xuất bản, Sài Gòn, 1974.
5. Nacamura – Rie, *Cham in Vietnam. Dynamics of ethnicity*, Doctoral Dissertation. University of Washington, 1999, 310 pages.
6. Nguyễn Khắc Ngữ, *Mẫu hệ Chăm*, Trình bày, Sài Gòn, 1967.
7. Lê Thanh Nhân, “Người Chăm Hồi giáo ở khu vực Mubaraic” (quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh), Viện Đào tạo Mở rộng, *Kinh tế - Văn hoá Chăm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992;
8. Bá Trung Phụ, “Gia đình người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận”, Viện Đào tạo Mở rộng, *Kinh tế - Văn hoá Chăm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
9. Nguyễn Tuấn Triết, “Đặc điểm mẫu hệ và phụ quyền trong xã hội người Chăm ở Việt Nam”, Viện Đào tạo Mở rộng, *Kinh tế - Văn hoá Chăm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.